

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Nghị quyết 06 -NQ/HU ngày 12/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về "Phát triển giáo dục và đào tạo Thọ Xuân giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030" năm 2024

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 12/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về "Phát triển giáo dục và đào tạo Thọ Xuân giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 28/10/2022 của UBND huyện Thọ Xuân về thực hiện Nghị quyết 06-NQ/HU, Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/HU năm 2024, với các nội dung như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 12/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về "Phát triển giáo dục và đào tạo Thọ Xuân giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030", nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra năm 2024.

##### 2. Yêu cầu

Đảm bảo khoa học, chặt chẽ, tính khả thi cao, trong đó xác định rõ mục tiêu cụ thể; các nhiệm vụ, giải pháp phải có trọng tâm, trọng điểm; phân công rõ trách nhiệm của từng phòng, ngành, xã, thị trấn, tập thể, cá nhân; xác định thời gian hoàn thành đối với từng nhiệm vụ, chỉ tiêu.

Việc tổ chức thực hiện phải đảm bảo nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ huyện đến cơ sở; huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn ngành giáo dục và các tầng lớp nhân dân. Đề cao trí tuệ tập thể, phát huy trách nhiệm, tinh thần chủ động sáng tạo của cá nhân. Tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

#### II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẾN 12/2023

##### 1. Mục tiêu đến năm 2025

###### 1.1. Về quy mô trường, lớp

- Sáp nhập trường: đến năm 2025 hoàn thành việc sáp nhập trường để mỗi xã, thị trấn có 03 trường công lập của 03 cấp học mầm non, tiểu học, trung học sơ sở.

- Xây dựng mô hình trường chuẩn chất lượng cao: đến năm 2025 hoàn thành xây dựng 03 mô hình trường chuẩn chất lượng cao: Mầm non Bắc Lương, Tiểu học Xuân Lai, THCS TT Lam Sơn.

## **1.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

- Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuẩn đạt tỷ lệ 100%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn

+ Cấp Tiểu học đạt tỷ lệ 9,5%.

+ Cấp THCS đạt tỷ lệ 15%.

- Giáo viên có trình độ trên chuẩn

+ Cấp Tiểu học đạt tỷ lệ 1,5%

+ Cấp THCS đạt tỷ lệ 4,5%.

- Giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn trình độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam: 100 % giáo viên tiếng Anh Tiểu học và THCS tối thiểu bậc 4 (chứng chỉ B2), THPT đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 5 (chứng chỉ C1).

- Tỷ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh đạt tỷ lệ 3,5%

- Tỷ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên đạt 80% trở lên.

## **1.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1: đạt 100%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 30 trường trở lên.

- Xây dựng 21 trường học áp dụng mô hình trường học thông minh hoặc lớp học thông minh.

## **1.4. Chất lượng giáo dục và đào tạo**

- *Đối với giáo dục mầm non:* duy trì xếp top 3 các phong trào thi đua toàn tỉnh; các chỉ tiêu chất lượng giáo dục phần đầu cao hơn mặt bằng chung các huyện đồng bằng, trung du.

- *Đối với giáo dục tiểu học:* duy trì top 3 các phong trào thi đua toàn tỉnh. Chất lượng giáo dục phần đầu cao hơn mặt bằng chung các huyện đồng bằng, trung du. 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, chú trọng kỹ năng sinh tồn, hội nhập và được tham gia các hoạt động trải nghiệm.

- *Đối với giáo dục THCS*

+ Chất lượng giáo dục mũi nhọn: duy trì xếp top 03 toàn tỉnh.

+ Điểm bình quân thi vào lớp 10 THPT xếp top 05 toàn tỉnh.

- *Đối với giáo dục THPT:*

+ Số học sinh đạt thành tích cao trong thi tuyển, xét tuyển đại học xếp top 05 toàn tỉnh.

+ Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh có 02 trường xếp trong top 10, trong đó có 01 trường xếp top 05 toàn tỉnh.

+ Kết quả điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT có ít nhất 02 trường xếp top 10 toàn tỉnh.

- Đối với Trung tâm GDNN - GDTX:

+ Tỷ lệ học viên được học nghề đạt 90% trở lên.

+ Tỷ lệ học viên sử dụng nghề đã học để có việc làm đạt 35% trở lên.

### **1.5. Tỷ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức truyền thống**

- 100% học sinh được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thích ứng, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra trong cuộc sống.

- 100% học sinh được giáo dục, tìm hiểu về lịch sử, văn hoá, truyền thống vùng đất, con người Thọ Xuân.

(Phụ lục 1)

## **2. Kết quả thực hiện đến tháng 12 năm 2023**

### **2.1. Về quy mô trường, lớp bậc mầm non, tiểu học, THCS, TH&THCS**

- Tổng số trường: 96 trường, giảm 08 trường so với năm 2022 (MN 31; TH 30; THCS 33; TH&THCS: 02).

- Xây dựng mô hình trường chuẩn chất lượng cao: đang chỉ đạo xây dựng trường mầm non Bắc Lương đạt chuẩn chất lượng cao.

### **2.2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

- Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuẩn đạt 99,6%.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn:

+ Cấp Tiểu học:  $02/87 = 2,3 \%$  (tăng 01 người so với năm 2022).

+ Cấp THCS:  $5/89 = 2,25 \%$  (tăng 03 người so với năm 2022).

- Giáo viên có trình độ trên chuẩn

+ Cấp Tiểu học:  $8/707 = 1,1 \%$  (tăng 04 người so với năm 2022).

+ Cấp THCS:  $13/529 = 2,5 \%$  (tăng 07 người so với năm 2022)..

- Giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam

+ Cấp Tiểu học, THCS:  $101/118 = 85,6 \%$  (tăng 06 người so với năm 2022).

+ Cấp THPT:  $11/31 = 35,48 \%$  (tăng 02 người so với năm 2022).

- Tỷ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh:  $103/2302 = 4,47 \%$  (tăng 27 giáo viên so với năm 2022).

- Tỷ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên:  $2091/2617 = 79,9 \%$  (tăng 90 Đảng viên so với năm 2022).

### **2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt:  $86/101 = 85,15\%$  (MN 26; TH 27, THCS 25, TH&THCS 02, THPT 04).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 16 trường (MN 08, TH 16, THCS 01, THPT 01).

- Xây dựng trường học có lớp học thông minh: 13 trường<sup>1</sup> (tăng 06 trường so với năm 2022).

#### **2.4. Chất lượng giáo dục và đào tạo**

- *Đối với giáo dục mầm non*: Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ xếp trong top đầu của tỉnh. Tham gia Hội thi "bé với làn điệu dân ca" bậc mầm non xếp thứ Nhất toàn tỉnh, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

- *Đối với giáo dục tiểu học*: Chất lượng giáo dục duy trì ở mức cao toàn tỉnh. Tham gia Hội thi "Giai điệu tuổi hồng cấp tiểu học, THCS" xếp thứ Nhất toàn tỉnh. Tham gia thi chọn học sinh giỏi thể dục thể thao cấp tỉnh cấp tiểu học, THCS xếp thứ Nhì toàn tỉnh, vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

- *Đối với giáo dục THCS*

+ Chất lượng giáo dục đại trà: điểm trung bình thi vào lớp 10 THPT năm 2023 xếp thứ 12 toàn tỉnh, tăng 03 bậc so với năm 2022.

+ Chất lượng giáo dục mũi nhọn: duy trì thứ 04 toàn tỉnh.

- *Đối với giáo dục THPT*:

+ Chất lượng giáo dục đại trà: Kết quả điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT: Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT toàn huyện đạt 6,54 (tỉnh 6,47), xếp thứ 8 toàn tỉnh, tăng 02 bậc so với năm 2022. Tỷ lệ đậu tốt nghiệp toàn huyện đạt: 100%, tăng 1,2% so với năm 2022.

+ Chất lượng giáo dục mũi nhọn: Thi học sinh giỏi cấp tỉnh có 01 trường xếp top 10 toàn tỉnh (THPT Thọ Xuân 5), THPT Lê Lợi xếp thứ 11. Có 03 học sinh đạt Thủ khoa đại học (01 học sinh trường THPT Lam Kinh đạt Thủ khoa Học viện Báo chí và Tuyên truyền; 02 học sinh trường THPT Thọ Xuân 5 đạt Thủ khoa trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng), tăng 01 Thủ khoa so với năm 2022.

- *Đối với Trung tâm GDNN - GDTX*:

+ Tỷ lệ học viên được học nghề 75,5%, tăng 1,3% so với năm 2022

+ Tỷ lệ học viên sử dụng nghề đã học để có việc làm: 30,6%, tăng 10,6% so với năm 2022.

#### **2.5. Tỷ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức truyền thống**

- 90% học sinh được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thích ứng, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra trong cuộc sống, tăng 10% so với năm 2022.

<sup>1</sup> 13 trường có lớp học thông minh gồm: THCS Lê Thánh Tông, THCS TT Lam Sơn, THCS Bắc Lương, THCS Tây Hồ, THCS Quảng Phú, THCS Xuân Phú, THCS Xuân Sơn, THCS Xuân Lập, THCS Xuân Giang, THCS Xuân Bái, THCS Thọ Lập, THCS Nam Giang, TH&THCS Hạnh Phúc

- 90% học sinh được giáo dục, tìm hiểu về lịch sử, văn hoá, truyền thống vùng đất, con người Thọ Xuân, tăng 10% so với năm 2022.

(Phụ lục 2)

### **III. MỤC TIÊU NĂM 2024**

#### **1. Về quy mô trường, lớp**

- Sáp nhập 12 trường thành 07 trường, giảm 05 trường, toàn huyện còn 91 trường, (MN 30, TH 30, THCS 31).

- Xây dựng mô hình trường chuẩn chất lượng cao tiểu học Xuân Lai.

#### **2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

2.1. Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuẩn đạt 100%

2.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn.

- Cấp Tiểu học: 9,58 %.

- Cấp THCS: 15,5 %.

2.3. Giáo viên có trình độ trên chuẩn

- Cấp Tiểu học: 1,55 %.

- Cấp THCS: 4,58 %.

2.4. Giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam

- Cấp Tiểu học, THCS: 90,5 %.

- Cấp THPT: 50,5 %.

2.5. Tỷ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh 5,0 %.

2.6. Tỷ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên 82,5 %.

#### **3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1: 98,95% (xây dựng 22 trường chuẩn quốc gia trong năm 2024, trong đó có 04 trường chuẩn mới gồm: THCS Quảng Phú, THCS Xuân Sinh, THCS TT Thọ Xuân, THPT Thọ Xuân 5).

- Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2: 25 trường (tăng 09 trường so với năm 2023<sup>2</sup>)

- Xây dựng trường học áp dụng mô hình trường học thông minh hoặc lớp học thông minh: 08 trường<sup>3</sup>, nâng tổng số trường có lớp học thông minh lên 21 trường.

<sup>2</sup> MN Xuân Minh, MN Xuân Hoà, MN TT Thọ Xuân, TH Xuân Lập, TH Thọ Hải, THCS Thọ Xương, THCS Xuân Bái, THCS Thọ Lâm, THCS Xuân Phong

<sup>3</sup> TH Xuân Phú, TH Xuân Lai, TH TT Sao Vàng, TH Xuân Lập, TH Xuân Sinh, TH Xuân Tín, TH Thọ Lập, THCS Thọ Hải.

#### **4. Chất lượng giáo dục và đào tạo**

- *Đối với giáo dục mầm non:* duy trì xếp top 3 các phong trào thi đua toàn tỉnh; các chỉ tiêu chất lượng giáo dục cao hơn mặt bằng chung các huyện đồng bằng, trung du.

- *Đối với giáo dục tiểu học:* duy trì xếp top 3 các phong trào thi đua toàn tỉnh. Chất lượng giáo dục cao hơn mặt bằng chung các huyện đồng bằng, trung du. 95% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, chú trọng kỹ năng sinh tồn, hội nhập và được tham gia các hoạt động trải nghiệm.

- *Đối với giáo dục THCS:*

+ Chất lượng giáo dục mũi nhọn: xếp top 03 toàn tỉnh.

+ Điểm bình quân thi vào lớp 10 THPT: xếp top thứ 07 toàn tỉnh.

- *Đối với giáo dục THPT:*

+ Tỷ lệ đậu tốt nghiệp 100%. Số học sinh đạt thành tích cao trong thi tuyển, xét tuyển đại học xếp top 5 toàn tỉnh.

+ Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh: 01 trường xếp top 10, 01 trường xếp top 15 toàn tỉnh.

+ Kết quả điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT: 01 trường xếp top 10, 01 trường top 15 toàn tỉnh.

- *Đối với Trung tâm GDNN - GDTX:*

+ Tỷ lệ học viên được học nghề: 78%.

+ Tỷ lệ học viên sử dụng nghề đã học để có việc làm: đạt 35% trở lên.

#### **5. Tỷ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức truyền thống**

- 95% học sinh được trang bị những kiến thức, kỹ năng cơ bản, thích ứng, xử lý kịp thời các tình huống xảy ra trong cuộc sống.

+ 95% học sinh được giáo dục, tìm hiểu về lịch sử, văn hoá, truyền thống vùng đất, con người Thọ Xuân.

*(Phụ lục 3)*

### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Sắp xếp, quy hoạch mạng lưới trường, lớp phù hợp, gắn với xây dựng và nâng cao chất lượng trường chuẩn quốc gia, xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

1.1. Sáp nhập trường

- Giải pháp: Thực hiện sáp nhập 12 trường theo Kế hoạch 130b/KH-UBND, ngày 25/9/2020 của UBND huyện.

*(Phụ lục 4)*

- Đơn vị thực hiện: Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND xã, thị trấn tham mưu.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý II: Xây dựng Phương án sáp nhập, báo cáo xin chủ trương của Thường trực Huyện uỷ.

+ Quý III: Chỉ đạo các phòng, ngành, xã (thị trấn) liên quan và các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện.

- Thời gian hoàn thành: *trước 30/8 năm 2024.*

### 1.2. Xây dựng trường chuẩn chất lượng cao

- Giải pháp: Ban hành Kế hoạch xây dựng trường chuẩn chất lượng cao tiểu học Xuân Lai. Chỉ đạo trường tiểu học Xuân Lai hoàn thiện các tiêu chí trong năm 2024.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì, phối hợp với các phòng Nội vụ, Kinh tế-Hạ tầng, Tài nguyên-Môi trường, Tài chính-Kế hoạch và UBND xã Xuân Lai tham mưu chỉ đạo thực hiện.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I: Xây dựng ban hành Kế hoạch xây dựng trường chuẩn chất lượng cao Tiểu học Xuân Lai.

+ Quý II: UBND xã Xuân Lai chủ trì, phối hợp các phòng Kinh tế-Hạ tầng, Tài chính-Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị.

+ Quý III: Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với phòng GDĐT tham mưu bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo tiêu chí.

+ Quý IV: Phòng chỉ đạo trường Tiểu học Xuân Lai tập trung nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng tiêu chí trường chuẩn chất lượng cao .

- Thời gian hoàn thành: *tháng 11 năm 2024.*

### 1.3. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

- Giải pháp: Xây dựng 22 trường đạt chuẩn quốc gia năm 2024 (04 trường chuẩn mới) theo Kế hoạch số 57/KH-UBND, ngày 01/03/2024 của UBND huyện về xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia năm 2024.

*(Phụ lục 5)*

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì chỉ đạo các trường hoàn thiện các tiêu chí về hồ sơ trường chuẩn; phối hợp với các phòng, ngành liên quan tham mưu UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn hoàn thành tiêu chí về cơ sở vật chất.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I: Hoàn thành 03 trường ( THCS Thọ Xương, THCS Thọ Diên, THPT Thọ Xuân 5).

+ Quý II: Hoàn thành 08 trường (MN Xuân Minh, MN Xuân Hoà, TH Bắc Lương, TH Thọ Lâm, TH Thọ Hải, THCS Thọ Lâm, THCS Xuân Phong, THCS Xuân Bái).

+ Quý III: Hoàn thành 06 trường (MN Xuân Bái, MN Thọ Hải, MN TT Thọ Xuân, MN Xuân Lai, MN Thọ Diên, THCS Xuân Sinh).

+ Quý IV: Hoàn thành 05 trường (TH Xuân Lập, THCS Xuân Hoà, THCS Thọ Lập, THCS Quảng Phú, THCS TT Thọ Xuân).

#### 1.4. Xây dựng trường học có mô hình lớp học thông minh

- Giải pháp: Chỉ đạo các xã, thị trấn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị xây dựng 08 trường có mô hình lớp học thông minh, gồm: TH Xuân Phú, TH Xuân Lai, TH TT Sao Vàng, TH Xuân Lập, TH Xuân Sinh, TH Xuân Tín, TH Thọ Lập, THCS Thọ Hải.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì, phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND xã, thị trấn tham mưu; các nhà trường thực hiện.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I : Các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch, xác định nguồn kinh phí xây dựng trường học có mô hình lớp học thông minh.

+ Quý II, Quý III, Quý IV: Chỉ đạo 08 trường (TH 07, THCS 01) hoàn thiện các tiêu chí trường học có mô hình lớp học thông minh.

- Thời gian hoàn thành: *tháng 12 năm 2024.*

## **2. Xây dựng đội ngũ giáo viên từng bước đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT 2018**

### 2.1. Tuyển dụng giáo viên

- Giải pháp: Xây dựng Phương án tuyển dụng giáo viên, tổ chức thực hiện sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với phòng GDĐT tham mưu.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I: Xây dựng kế hoạch xin chủ trương của Ban Thường vụ Huyện uỷ, trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Quý II: Tổ chức tuyển dụng.

- Thời gian hoàn thành: *trước 30/4 năm 2024.*

2.3. Hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111/NĐ-CP, ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Giải pháp: Căn cứ Quyết định 4989/QĐ-UBND, ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao số lượng hợp đồng làm giáo viên, xây dựng Phương án, xác định nhu cầu ký kết hợp đồng giáo viên từng cấp học, môn học; giao chỉ tiêu hợp đồng giáo viên cho các cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện hợp đồng giáo viên đảm bảo không quá chỉ tiêu được giao.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với phòng GDĐT tham mưu. Các cơ sở giáo dục thực hiện hợp đồng.



- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I: Rà soát, xác định số giáo viên còn thiếu so với quy định tại các cơ sở giáo dục MN, TH, THCS công lập.

+ Quý II: Ban hành Quyết định giao chỉ tiêu hợp đồng giáo viên đối với các cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục thực hiện hợp đồng giáo viên theo chỉ tiêu được giao.

2.4. Bố trí, sắp xếp điều động, chuyển chuyên giáo viên, nhân viên đáp ứng nhiệm vụ dạy học.

- Giải pháp: Xây dựng Phương án, tổ chức thực hiện sau khi được Ban Thường vụ Huyện uỷ cho chủ trương.

- Đơn vị thực hiện: Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với phòng GDĐT tham mưu.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý II : Xây dựng Phương án, xin chủ trương của Thường trực Huyện uỷ.

+ Quý III: Tổ chức thực hiện.

- Thời gian hoàn thành: *trước 15/8 năm 2024.*

2.5. Đảm bảo tỉ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn theo Luật giáo dục 2019

- Giải pháp 1: Cử 03 giáo viên (THCS 02, TH&THCS 01) có trình độ đào tạo chưa đạt chuẩn tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu ban hành Quyết định, các trường học thực hiện.

- Thời gian hoàn thành: *tháng 12/2024.*

- Giải pháp 2: Vận động, động viên giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn đào tạo (nhiều tuổi) về hưu trước tuổi theo Nghị định 108/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì, phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu

- Thời gian thực hiện: *thường xuyên.*

2.6. Đảm bảo tỉ lệ trình độ trên chuẩn theo Luật giáo dục 2019

- Giải pháp: Cử 42 người (17 cán bộ quản lý, 25 giáo viên) cấp học tiểu học và cấp THCS tham gia đào tạo trình độ trên chuẩn.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì phối hợp với phòng Nội vụ tham mưu, các trường tiểu học, trung học cơ sở thực hiện.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I, II: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục động viên, khuyến khích tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo trình độ trên chuẩn.

+ Quý III, IV: Ban hành Quyết định cử đi đào tạo trình độ trên chuẩn.

- Thời gian hoàn thành: 30/11/2024.

2.7. Đảm bảo tỉ lệ giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn theo khung 6 bậc Việt Nam.

- Giải pháp: Cử 24 giáo viên Tiếng Anh (08 tiểu học, 04 THCS, 10 THPT) tham gia đào tạo bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ tiếng Anh.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT tham mưu chỉ đạo, các trường thực hiện.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I, II: tuyên truyền động viên giáo viên Tiếng Anh đăng kí tham gia đào tạo bồi dưỡng.

+ Quý III: Cử 24 người đào tạo bồi dưỡng.

- Thời gian hoàn thành: 30/11/2024.

2.8. Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, chọn giáo viên tham gia Hội thi cấp tỉnh theo kế hoạch của Sở GD&ĐT.

- Giải pháp: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT tổ chức, các cơ sở giáo dục thực hiện.

- Thời gian hoàn thành: 30/11/2024.

2.9. Đảm bảo tỷ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên

- Giải pháp: Chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, kết nạp 90 giáo viên, nhân viên vào Đảng cộng sản Việt Nam (MN 36; TH 28; THCS 20 THPT 06).

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, Đảng ủy xã (thị trấn); Đảng bộ, chi bộ trường học, cơ sở giáo dục.

- Tiến độ thực hiện:

+ Quý I: Cử quần chúng ưu tú đi học lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đảng.

+ Quý II: Theo dõi, giúp đỡ, giới thiệu đề xuất kết nạp;

+ Quý III, IV: Tổ chức kết nạp đảng cho 90 quần chúng ưu tú.

- Thời gian hoàn thành: 30/12/2024.

(Phụ lục 6)

### **3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục toàn diện, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn**

- Giải pháp 1: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ khoa học, duy trì tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, giảm tỷ lệ trẻ thấp còi, trẻ suy dinh dưỡng hàng năm. Các trường phổ thông không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với Chương trình GDPT 2018, và cách thức tổ chức các kỳ thi của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục.

- Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm*

- Giải pháp 2: Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn, các đơn vị tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy

học và kiểm tra đánh giá học sinh. Phân công lãnh đạo, chuyên viên Phòng GDĐT, đội ngũ cốt cán tham gia sinh hoạt và hướng dẫn chuyên môn cho các trường học; quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chất lượng giáo dục thấp.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục.

+ Thời gian thực hiện: *định kỳ 2 tháng một lần.*

- Giải pháp 3: Tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng, chính xác; lựa chọn tập thể, cá nhân xuất sắc tham dự kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm.*

- Giải pháp 4: Tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục cuối học kỳ và cuối năm học đối với lớp 5, lớp 9

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục.

+ Thời gian thực hiện: *tháng 4, 5 năm 2024.*

Giải pháp 5: Tổ chức kiểm tra, thi giao lưu với nhiều trường khác nhau trong huyện, trong tỉnh tạo điều kiện để học sinh được cọ xát, học hỏi; qua đó rút kinh nghiệm, chỉ đạo khắc phục kịp thời tồn tại, hạn chế, yếu kém trong dạy và học.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, các trường THCS, THPT, TT GDNN-GDTX.

- Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm.*

- Giải pháp 6: Tổ chức giao lưu, học tập các huyện, các trường đạt thành tích cao trong dạy và học; tham vấn ý kiến của lãnh đạo, chuyên viên Sở GDĐT; mời chuyên gia, cốt cán chuyên môn của tỉnh về bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên, học sinh đội tuyển học sinh giỏi cấp tỉnh.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, các trường THCS, THPT, TT GDNN-GDTX.

+ Thời gian thực hiện: *tháng 6, 7, 8 năm 2024.*

Giải pháp 7. Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa quản lý, đánh giá chất lượng giáo dục các trường THPT trên địa bàn huyện gắn với đánh giá phẩm chất, năng lực của cán bộ quản lý, nhất là người đứng đầu đơn vị.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT tham mưu.

+ Thời gian thực hiện: *tháng 7, tháng 8 năm 2024.*

- Giải pháp 8. Biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với giáo viên, học sinh đạt thành tích cao trong dạy và học. Vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ khen thưởng giáo viên, học sinh đạt kết quả xuất sắc trong các kỳ thi, hội thi.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chủ trì phối hợp phòng Nội vụ tham mưu, các trường trên địa bàn huyện thực hiện.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm.*

#### **4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống; chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống, kỹ năng sống và bảo đảm an toàn trường học**

##### 4.1. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống

- Giải pháp 1: Chỉ đạo toàn ngành Giáo dục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thường xuyên xây dựng mỗi đoàn kết, thống nhất, chú trọng nêu gương người tốt, việc tốt, đồng thời kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong đội ngũ cán bộ, giáo viên. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị.

- Giải pháp 2: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp tổ chức các hoạt động về nguồn, giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục truyền thống, lịch sử địa phương cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh nhân các ngày lễ, sự kiện lớn của quê hương, đất nước.

- Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện.

- Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm.*

##### 4.2. Đẩy mạnh giáo dục nhân cách, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, đảm bảo an toàn trường học

- Giải pháp 1: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện Bộ quy tắc ứng xử trong trường học trên địa bàn huyện giai đoạn 2022 - 2030. Phối hợp tuyên truyền, phòng chống bạo lực học đường và tệ nạn xã hội. Xây dựng môi trường văn hóa học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện; đảm bảo an ninh, an toàn trường học.

- Giải pháp 2: Chỉ đạo các trường học lồng ghép, tích hợp việc giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh trong các tiết học hoặc buổi sinh hoạt tập thể, ngoại khoá. Phối hợp tổ chức hoạt động trải nghiệm, dã ngoại...

+ Đơn vị thực hiện: Phòng GDĐT, UBND các xã, thị trấn, các cơ sở giáo dục thực hiện.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm.*

#### **5. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề và định hướng phân luồng học sinh**

- Giải pháp 1: Chỉ đạo các trường THCS, TH&THCS làm tốt công tác định hướng phân luồng học sinh theo Quyết định số 522/QĐ-TTg, ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phân đấu tỷ lệ 70% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên cấp THPT, 30% tham gia học tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện hoặc các lớp đào tạo nghề.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tham mưu, chỉ đạo.

+ Thời gian thực hiện: *hàng năm.*

- Giải pháp 2: Đẩy mạnh công tác tư vấn, định hướng, hướng nghiệp, giúp học sinh lựa chọn ngành nghề phù hợp sau tốt nghiệp THPT. Phối hợp với các trường Đại học tư vấn tuyển sinh; định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

+ Đơn vị thực hiện: Các trường THPT.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên*.

- Giải pháp 3: Liên kết, phối hợp đào tạo nghề cho học viên học chương trình GDTX; đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu lao động tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng LĐ-TB&XH, trung tâm GDNN - GDTX.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên*.

- Giải pháp 4: Chỉ đạo UBND xã, thị trấn nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng; thường xuyên, cập nhật kiến thức, kỹ thuật, công nghệ mới, phối hợp mở lớp tập huấn chuyển giao, tiếp nhận kinh nghiệm văn hoá, xã hội, lao động sản xuất... để người dân thích ứng với những yêu cầu mới của sản xuất và đời sống.

+ Đơn vị thực hiện: UBND các xã, thị trấn.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên*.

## **6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong các cơ sở giáo dục**

- Giải pháp 1: Kiểm tra chuyên môn, kiểm tra đột xuất tại các cơ sở giáo dục, kịp thời phát hiện những khuyết điểm, sai phạm để chấn chỉnh và xử lý theo quy định.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên hoặc đột xuất trong năm*.

- Giải pháp 2: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính, quy chế chuyên môn, kịp thời xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân vi phạm.

+ Đơn vị thực hiện: Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Phòng GDĐT.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm*.

- Giải pháp 3: Thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các sai phạm của các tập thể, cá nhân trong quản lý Nhà nước về giáo dục, đảm bảo khách quan, công bằng, đúng quy định.

+ Đơn vị thực hiện: Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với phòng GDĐT.

+ Thời gian thực hiện: *thường xuyên trong năm*.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Phòng Giáo dục và Đào tạo cơ quan thường trực, tham mưu UBND huyện theo dõi, nắm bắt, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; là đơn vị

đầu mỗi chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND huyện.

2. Các phòng, ngành có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nhiệm vụ do các phòng chuyên môn khác chủ trì tham mưu những có nội dung liên quan nhằm hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng nhiệm vụ được giao.

3. UBND các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch và tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng kế hoạch và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả tại đơn vị.

4. Các cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu được giao trong năm, phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ; định kỳ báo cáo kết quả về UBND huyện (*qua Phòng GDĐT*) trước 10/12/2024.

5. Đề nghị Ban Tuyên giáo Huyện ủy lồng ghép, tuyên truyền Kế hoạch này thông qua hệ thống trang thông tin nội bộ; tuyên truyền đến cấp ủy, chính quyền các cấp gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đơn vị.

6. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, triển khai nội dung Kế hoạch này đến toàn thể đoàn viên, hội viên; vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện Kế hoạch; phối hợp với UBND huyện kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch tại các xã, thị trấn và các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

**Nơi nhận:**

- TTr Huyện ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo (để p/h);
- MTTQ và các đoàn thể cấp huyện (để p/h);
- Các phòng, ban, ngành (để t/h);
- UBND các xã, thị trấn (để t/h);
- Các cơ sở giáo dục (để t/h);
- Lưu: VT, GD.

**TM. UBND HUYỆN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Hải**

**Phụ lục 1:****Chỉ tiêu đến năm 2025**

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Xếp thứ/tỉnh</b>
1	Số lượng trường MN, TH, THCS sau sáp nhập	91	100 % KH	
2	Xây dựng mô hình trường chuẩn chất lượng cao	03		
3	Tỉ lệ giáo viên có trình độ chuẩn		100 %	
4	Tỉ lệ cán bộ quản lý tiểu học có trình độ trên chuẩn		9,5 %	
5	Tỉ lệ cán bộ quản lý THCS học có trình độ trên chuẩn		15 %	
6	Tỉ lệ giáo viên tiểu học có trình độ trên chuẩn		1,5 %	
7	Tỉ lệ giáo viên THCS có trình độ trên chuẩn		4,5 %	
8	Tỉ lệ giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn trình độ		100 %	
9	Tỉ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh		3,5 %	
10	Tỉ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên		80 %	
11	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1		100 %	
12	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	30		
13	Xây dựng trường học áp dụng mô hình trường học thông minh hoặc lớp học thông minh.	21		
14	Chất lượng giáo dục bậc mầm non			Xếp top 3/tỉnh
15	Chất lượng giáo dục cấp tiểu học			Xếp top 3/tỉnh
16	Kết quả thi học sinh giỏi tỉnh cấp THCS			Xếp top 3/tỉnh
17	Điểm bình quân thi vào lớp 10 THPT			Xếp top 5/tỉnh
18	Số học sinh đạt thành tích cao trong thi tuyển, xét tuyển đại học			Xếp top 5/tỉnh
19	Kết quả thi học sinh giỏi tỉnh cấp THPT			02 trường top 10/ tỉnh
20	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT			02 trường top 10/ tỉnh
21	Tỉ lệ học viên TT GDNN-GDTX được học nghề		90%	
22	Tỉ lệ học viên sử dụng nghề đã học để có việc làm		35%	
23	Tỉ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng sống		100 %	
24	Tỉ lệ học sinh được giáo dục đạo đức truyền thống		100 %	

**Phụ lục 2: Kết quả thực hiện đến tháng 12 năm 2023**

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Xếp thứ/tỉnh</b>
1	Số trường MN, TH, THCS, TH&THCS sau sáp nhập trường	96		
2	Xây dựng mô hình trường chuẩn chất lượng cao	01		
3	Tỉ lệ giáo viên có trình độ chuẩn		99,6 %	
4	Tỉ lệ cán bộ quản lý tiểu học có trình độ trên chuẩn		2,3 %	
5	Tỉ lệ cán bộ quản lý THCS học có trình độ trên chuẩn		2,25 %	
6	Tỉ lệ giáo viên tiểu học có trình độ trên chuẩn		1,1 %	
7	Tỉ lệ giáo viên THCS có trình độ trên chuẩn		2,5 %	
8	Tỉ lệ giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn trình độ		75,4 %	
9	Tỉ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh		4,47 %	
10	Tỉ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên		79,9 %	
11	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1		85,15%	
12	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	16		
13	Xây dựng trường học áp dụng mô hình trường học thông minh hoặc lớp học thông minh.			13
14	Chất lượng giáo dục bậc mầm non			Xếp top 3
15	Chất lượng giáo dục cấp tiểu học			Xếp top 3
16	Kết quả thi học sinh giỏi tỉnh cấp THCS			Xếp top 3
17	Điểm bình quân thi vào lớp 10 THPT			Xếp top 12
18	Số học sinh đạt thành tích cao trong thi tuyển, xét tuyển đại học			Xếp top 04
19	Kết quả thi học sinh giỏi tỉnh cấp THPT			01 trường top 10
20	Xếp thứ điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT			- Lê Lợi thứ 23, - Lam Kinh thứ 27, - Thọ Xuân 5 thứ 34, - Lê Hoàn thứ 57, - Thọ Xuân 4 thứ 68.
21	Tỉ lệ học viên TT GDNN-GDTX được học nghề		75,5 %	
22	Tỉ lệ học viên sử dụng nghề đã học để có việc làm		30,6%	
23	Tỉ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng sống		90 %	
24	Tỉ lệ học sinh được giáo dục đạo đức truyền thống		90 %	



**Phụ lục 3:****Chỉ tiêu năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỉ lệ</b>	<b>Xếp thứ/tỉnh</b>
1	Số trường MN, TH, THCS sau sáp nhập trường	91	100%	
2	Xây dựng mô hình trường chuẩn chất lượng cao	01	100%	
3	Tỉ lệ giáo viên có trình độ chuẩn	03	100 %	
4	Tỉ lệ cán bộ quản lý tiểu học có trình độ trên chuẩn	07	9,58 %	
5	Tỉ lệ cán bộ quản lý THCS học có trình độ trên chuẩn	10	15,5 %	
6	Tỉ lệ giáo viên tiểu học có trình độ trên chuẩn	07	1,55 %	
7	Tỉ lệ giáo viên THCS có trình độ trên chuẩn	18	4,58 %	
8	Tỉ lệ giáo viên Tiếng Anh đạt chuẩn trình độ	22	79,2 %	
9	Tỉ lệ giáo viên giỏi cấp tỉnh	60	5,0 %	
10	Tỉ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên	90	86,2 %	
11	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	22	98,95%	
12	Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	9	83,3%	
13	Xây dựng trường học áp dụng mô hình trường học thông minh hoặc lớp học thông minh.	8	100%	
14	Chất lượng giáo dục bậc mầm non			Xếp top 3
15	Chất lượng giáo dục cấp tiểu học			Xếp top 3
16	Kết quả thi học sinh giỏi tỉnh cấp THCS			Xếp top 3
17	Điểm bình quân thi vào lớp 10 THPT			Xếp top 07
18	Số học sinh đạt thành tích cao trong thi tuyển, xét tuyển đại học			Xếp top 05
19	Kết quả thi học sinh giỏi tỉnh cấp THPT			01 trường top 10, 01 trường top 15
20	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT			01 trường top 10, 01 trường top 15
21	Tỉ lệ học viên TT GDNN-GDTX được học nghề		78 %	
22	Tỉ lệ học viên sử dụng nghề đã học để có việc làm		35 %	
23	Tỉ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng sống		95 %	
24	Tỉ lệ học sinh được giáo dục đạo đức truyền thống		95 %	

**Phụ lục 4: Sáp nhập trường năm 2024**

<b>TT</b>	<b>Bậc học, cấp học</b>	<b>Trường sáp nhập</b>	<b>Tên trường sau sáp nhập</b>	<b>Số trường sau sáp nhập</b>
1	Bậc mầm non	MN TT Thọ Xuân và MN Hạnh phúc	MN TT Thọ Xuân	<b>30</b>
2	Cấp Tiểu học	TH Xuân Lập và khối Tiểu học của trường TH&THCS Thọ Thắng	TH Xuân Lập	<b>30</b>
		TH TT Thọ Xuân và khối TH của TH&THCS Hạnh Phúc	TH TT Thọ Xuân	
3	Cấp THCS	THCS Xuân Lập và khối THCS của trường TH&THCS Thọ Thắng	THCS Xuân Lập	<b>31</b>
		THCS TT Thọ Xuân và khối THCS của trường TH&THCS Hạnh Phúc	THCS Xuân Hồng	
		THCS Xuân Quang và THCS Xuân Sơn	THCS Xuân Sinh	
		THCS TT Sao Vàng và THCS Xuân Thắng	THCS TT Sao Vàng	
<b>Tổng số trường MN, TH, THCS</b>				<b>91</b>

**Phụ lục 5: Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

Cấp học	Công nhận mới			Công nhận lại và nâng chuẩn		
	Tên trường	Mức độ	Thời gian đề nghị	Tên trường	Mức độ	Thời gian đề nghị
<b>Mầm non</b>				1. Xuân Bái 2. Thọ Hải 3. Xuân Minh 4. Xuân Hòa 5. TT Thọ Xuân 6. Xuân Lai 7. Thọ Diên	Mức độ 1 Mức độ 1 Mức độ 2 Mức độ 2 Mức độ 2 Mức độ 1 Mức độ 1	9/2024 9/2024 05/2024 9/2024 9/2024 9/2024 9/2024
<b>Tiểu học</b>				1. Bắc Lương 2. Thọ Lâm 3. Xuân Lập 4. Thọ Hải	Mức độ 1 Mức độ 1 Mức độ 2 Mức độ 2	5/2024 5/2024 10/2024 5/2024
<b>THCS</b>	1. Quảng Phú 2. Xuân Sinh 3. TT Thọ Xuân	Mức độ 1 Mức độ 1 Mức độ 1	11/2024 11/2024 11/2024	1. Thọ Xương 2. Xuân Hòa 3. Thọ Lâm 4. Thọ Lập 5. Thọ Diên 6. Xuân Bái 7. Xuân Phong	Mức độ 2 Mức độ 1 Mức độ 2 Mức độ 1 Mức độ 1 Mức độ 2 Mức độ 2	3/2024 10/2024 5/2024 10/2024 3/2024 3/2024 5/2024
<b>THPT</b>	THPT Thọ Xuân 5	Mức độ 1	3/2024			
<b>Tổng</b>	<b>04</b>	04 MĐ 1		<b>18</b>	9 MĐ2; 9 MĐ1	

(Tổng số: 22 trường CQG: 04 chuẩn mới, 06 nâng chuẩn và 13 kiểm tra lại sau 5 năm)

**Phụ lục 6: Chỉ tiêu về chất lượng đội ngũ****Biểu 1: Cử giáo viên đi đào tạo đạt trình độ chuẩn****a) Cấp Tiểu học**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn</b>
1	TH&THCS Thọ Thắng	01
<b>Tổng</b>		<b>01</b>

**b) Cấp THCS**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn</b>
1	THCS TT Sao Vàng	01
2	THCS Trường Xuân	01
<b>Tổng</b>		<b>02</b>

**Biểu 2: Cử cán bộ quản lý đi đào tạo trình độ trên chuẩn (thạc sỹ)**  
**a) Cấp Tiểu học**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng CBQL cử đi đào tạo trình độ thạc sỹ</b>
1	TH Xuân Trường	01
2	TH Thọ Nguyên	01
3	TH Xuân Phong	01
4	TH Thọ Lộc	01
5	TH Xuân Sơn	01
6	TH Xuân Thiên	01
7	TH Trường Xuân	01
<b>Tổng</b>		<b>07</b>

**b) Cấp THCS**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng CBQL cử đi đào tạo trình độ thạc sỹ</b>
1	THCS Thọ Xương	01
2	THCS Xuân Phú	01
3	THCS Thọ Diên	01
4	THCS Xuân Hồng	01
5	THCS Xuân Phong	01
6	THCS Tây Hồ	01
7	THCS Xuân Sinh	01
8	THCS Xuân Giang	01
9	THCS Xuân Lai	01
10	THCS Trường Xuân	01
<b>Tổng</b>		<b>10</b>

**Biểu 3: Cử giáo viên đi đào tạo trình độ thạc sỹ****a) Cấp Tiểu học:**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi học đào tạo trình độ thạc sỹ</b>
1	TH TT Lam Sơn	01
2	TH Xuân Phú	01
3	TH TT Sao Vàng	01
4	TH Thọ Lâm	01
5	TH TT Thọ Xuân	01
6	TH Tây Hồ	01
7	TH Xuân Lai	01
<b>Tổng</b>		<b>07</b>

**b) Cấp THCS**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi đào tạo trình độ thạc sỹ</b>
1	THCS Xuân Bái	01
2	THCS TT Sao Vàng	01
3	THCS Thọ Hải	01
4	THCS Xuân Hoà	01
5	THCS Xuân Trường	01
6	THCS TT Thọ Xuân	01
7	THCS Thọ Lộc	01
8	THCS Nam Giang	01
9	THCS Bắc Lương	01
10	THCS Quảng Phú	01
11	THCS Thọ Lập	01
12	THCS Thuận Minh	01
13	THCS Xuân Sơn	01
14	THCS Xuân Hưng	01
15	THCS Xuân Thiên	01
16	THCS Phú Xuân	01
17	THCS Xuân Minh	01
18	THCS Xuân Tín	01
<b>Tổng</b>		<b>18</b>

**Biểu 4: Cử giáo viên Tiếng Anh đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam**

**a) Cấp Tiểu học**

<b>TT</b>	<b>Trường TH</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi đào tạo chứng chỉ B2</b>
1	TH Xuân Bái	01
2	TH TT Lam Sơn	01
3	TH Xuân Phong	01
4	TH Bắc Lương	01
5	TH Xuân Trường	01
6	TH Thọ Lộc	01
7	TH Thọ Lâm	01
8	TH Trường Xuân	01
<b>Tổng</b>		<b>08</b>

**b) Cấp THCS**

<b>TT</b>	<b>Trường THCS</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi đào tạo Chứng chỉ B2</b>
1	THCS Thọ Lâm	1
2	THCS Xuân Hoà	1
3	THCS Xuân Trường	1
4	THCS Xuân Sơn	1
<b>Tổng</b>		<b>04</b>

**c) Cấp THPT**

<b>TT</b>	<b>Trường THPT</b>	<b>Số lượng giáo viên cử đi đào tạo Chứng chỉ B2</b>	<b>Ghi chú</b>
1	THPT Lê Lợi	03	
2	THCS Lê Hoàn	01	
3	THPT Lam Kinh	02	
4	THPT Thọ Xuân 4	02	
5	THPT Thọ Xuân 5	02	
<b>Tổng</b>		<b>10</b>	

**Biểu 5: Giáo viên giỏi cấp tỉnh**  
**- Cấp Tiểu học**

<b>TT</b>	<b>Trường mầm non</b>	<b>Số lượng giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh</b>
1	TH Xuân Bái	1
2	TH Thọ Xương	1
3	TH TT Lam Sơn	1
4	TH Xuân Phú	1
5	TH TT Sao Vàng	1
6	TH Thọ Lâm	1
7	TH Thọ Diên	1
8	TH Thọ Hải	1
9	TH Xuân Hoà	1
10	TH TT Thọ Xuân	1
11	TH Xuân Trường	1
12	TH Xuân Hồng	1
13	TH Xuân Phong	1
14	TH Thọ Lộc	1
15	TH Nam Giang	1
16	TH Bắc Lương	1
17	TH Tây Hồ	1
18	TH Xuân Sinh	1
19	TH Xuân Giang	1
20	TH Xuân Hưng	1
21	TH Xuân Thiên	1
22	TH Thuận Minh	1
23	TH Xuân Lập	1
24	TH Xuân Tín	1
25	TH Phú Xuân	1
26	TH Quảng Phú	1
27	TH Thọ Lập	1
28	TH Xuân Minh	1
29	TH Xuân Lai	1
30	TH Trường Xuân	1
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>



**Biểu 6: Tỷ lệ giáo viên, nhân viên là Đảng viên****a) Bậc mầm non**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên, nhân viên kết nạp đảng năm 2024</b>
1	MN Xuân Bái	1
2	MN Thọ Xương	1
3	MN TT Lam Sơn	2
4	MN Xuân Phú	2
5	MN TT Sao Vàng	1
6	MN Thọ Lâm	2
7	MN Thọ Diên	1
8	MN Thọ Hải	1
9	MN TT Thọ Xuân	1
10	MN Hạnh Phúc	1
11	MN Xuân Hồng	1
12	MN Xuân Phong	1
13	MN Nam Giang	1
14	MN Bắc Lương	2
15	MN Xuân Sinh	2
16	MN Xuân Giang	2
17	MN Xuân Hưng	1
18	MN Xuân Thiên	1
19	MN Thuận Minh	1
29	MN Xuân Lập	2
21	MN Xuân Tín	1
22	MN Phú Xuân	1
23	MN Quảng Phú	2
24	MN Thọ Lập	1
25	MN Xuân Minh	1
26	MN Xuân Lai	1
27	MN Trường Xuân	2
	<b>Tổng</b>	<b>36</b>

**b) Cấp Tiểu học**

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên, nhân viên kết nạp đảng</b>
1	TH Thọ Xương	1
2	TH TT Lam Sơn	2
3	TH TT Sao Vàng	1
4	TH Thọ Lâm	2
5	TH Thọ Diên	1
6	TH Thọ Hải	1
7	TH Xuân Hồng	2
8	TH Thọ Lộc	1
9	TH Tây Hồ	1
10	TH Xuân Giang	1
11	TH Xuân Hưng	1
12	TH Xuân Thiên	3
13	TH Thuận Minh	2
14	TH Xuân Lập	1
15	TH Xuân Tín	1
16	TH Phú Xuân	1
17	TH Quảng Phú	2
18	TH Xuân Minh	1
19	TH Xuân Lai	1
20	TH Trường Xuân	1
21	TH&THCS Thọ Thắng	1
	<b>Tổng</b>	<b>28</b>

## c) Cấp THCS

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên, nhân viên kết nạp đảng năm 2024</b>
1	THCS Xuân Bái	2
2	THCS TT Sao Vàng	1
3	THCS Xuân Thắng	1
4	THCS Thọ Lâm	2
5	THCS Thọ Diên	1
6	TH&THCS hạnh Phúc	1
7	THCS Xuân Hồng	1
8	THCS Xuân Trường	1
9	THCS Tây Hồ	1
10	THCS Xuân Sơn	1
11	THCS Xuân Thiên	1
12	THCS Phú Xuân	2
13	THCS Quảng Phú	1
14	THCS Thọ Lập	1
15	THCS Trường Xuân	2
16	THCS Lê Thánh Tông	1
	<b>Tổng</b>	<b>20</b>

## d) Cấp THPT

<b>TT</b>	<b>Trường</b>	<b>Số lượng giáo viên, nhân viên kết nạp đảng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	THPT Lê Lợi	01	
2	THPT Lê Hoàn	02	
3	THPT Lam Kinh	01	
4	THCS Thọ Xuân 4	02	
	<b>Tổng</b>	<b>06</b>	